

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 5 -2021

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 302/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 03, kp 1, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 03, kp 1, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 03, kp 1, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 03, kp 1, thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

(Chị B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc B trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị B và anh M đi đến tổ chức đám cưới vào năm 2008. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 9 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì đến tháng 6 năm 2017 bắt đầu phát sinh nhiều sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, nảy sinh nhiều bất đồng, anh M thường hay chơi đá gà, nhậu nhẹt say sưa suốt ngày, không phụ giúp tiền để cùng chị B nuôi con, nhiều lần anh M đi chơi không về nhà, vợ chồng không đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh M không thích bạn của chị B đến thăm, nói chuyện với chị B không không tế nhị, không tôn trọng chị B mà chửi chị B trước mặt bạn bè khi đến chơi. Thường xuyên đánh đập và chửi chị B một cách thô tục, có lúc ngay trước mặt con gái của vợ chồng. Việc anh M chửi chị B như vậy làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con. Vợ chồng bất hòa nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến hoàn cảnh gia đình luôn luôn trong tình trạng căng thẳng không còn thấy hạnh phúc. Do mâu thuẫn kéo dài và không thể tháo gỡ được nên năm 2017 chị B có làm đơn xin ly hôn, nhưng do anh M muốn con cái có cha lẫn mẹ nên khuyên chị B về ở lại để cùng nhau nuôi dạy con, nên vì con chị B đã bỏ qua và đồng ý quay về đoàn tụ nên chị B mới rút đơn ly hôn. Đến năm 2018 thì mâu thuẫn lại tiếp tục xảy ra vì anh M tình tình không thay đổi, vẫn tính nết tệ nấy nên chị B làm đơn xin ly hôn, khi Tòa án thụ lý và hòa giải thì anh M hứa là sửa chữa về sống lại cùng nhau nuôi con. Nhưng đến năm 2019 thì tiếp tục mâu thuẫn và từ tháng 6 năm 2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Cho đến nay anh M vẫn không thay đổi về cách sống nên chị B yêu cầu ly hôn, sau khi Tòa án thụ lý hòa giải thì anh M yêu cầu tôi bán tài sản chia xong mới thì ký đơn ly hôn. Sau khi chị B và anh M bán tài sản chia cho nhau xong thì anh M không đến Tòa án để ký biên bản thỏa thuận. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc B yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn M.

Về nuôi con chung: Chị B và anh M có 01 con chung là Phạm Minh A, sinh ngày 22/2/2014. Hiện cháu A do chị B đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay

chị B yêu cầu tiếp tục nuôi cháu A và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai thì anh Phạm Văn M trình bày: Anh Phạm Văn M và chị Trần Thị Ngọc B quen nhau một thời gian thì đi đến tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2010 tại Ủy Ban nhân dân thị trấn Ngã Giao, huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau và cho rằng chị B ngoại tình với người đàn ông khác và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình hòa giải thì anh M có mong muốn được đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Nhưng đến nay anh M thấy rằng tình cảm của vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn được nữa nên anh Minh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh M và chị B có 01 người con chung là Phạm Minh A, sinh ngày 22/4/2014. Hiện cháu A đang ở với bà Ngoại anh M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ghi nhận vợ chồng thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị B và anh M có 01 con chung là Phạm Minh A, sinh ngày 22/4/2014

Giao cháu A cho chị B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh Minh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh M không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị B và anh M sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị B yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh M là thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị B vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị B và anh M trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 9 năm 2010 tại UBND thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị B nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M hay đá gà, không phụ giúp kinh tế để cùng nhau nuôi con và gây dựng hạnh phúc gia đình, không tôn trọng vợ con, đánh đập vợ, xem thường vợ trước bạn bè, vợ chồng không hợp nhau, quan điểm cũng khác nhau nên thường xuyên xảy ra xích mích và mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã gây ảnh hưởng đến con cái, vì thấy cuộc sống gia đình mâu thuẫn và luôn lâm vào hoàn cảnh căng thẳng nên chị B nhiều lần làm đơn ly hôn, nhưng vì con nên nhiều lần hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Nhưng mâu thuẫn vẫn không được khắc phục mà ngày càng căng thẳng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, cũng từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh M cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nay anh M thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại được đồng ý ly hôn với chị B nhưng sau đó Tòa án triệu tập đến làm việc thì không đến.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh M là có thật đã xảy ra từ năm 2017 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân từ 2019 cho đến nay thời gian cũng đã và kéo dài nhưng anh M và chị B cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh M đã xảy ra, mâu thuẫn trong gia đình là có thật và kéo dài nhưng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, cả hai vợ chồng đều xét thấy không thể sống chung, vì vậy để cuộc hôn nhân này

tiếp tục tồn tại sẽ không mang đến hạnh phúc, vì vậy nghĩ nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị B và anh M.

[3] Về nuôi con chung: Chị B, anh M có 01 con chung là Phạm Minh A, sinh ngày 22/4/2014 chị B, anh M đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A.

Xét từ khi vợ chồng ly thân cháu A đã được chị B nuôi dưỡng và phát triển bình thường và hiện nay cháu A có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Mặc khác chị B có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con. Để cháu không phải bị xáo trộn về cuộc sống nghĩ nên chấp nhận nguyện vọng của các cháu là phù hợp.

Do đó giao cháu Minh A cho chị B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận Chị Trần Thị Ngọc B và anh Phạm Văn M thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Chị B, anh M có 01 con chung là Phạm Minh A, sinh ngày 22/4/2014.

Giao cháu Phạm Minh A cho chị Trần Thị Ngọc B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0004775 ngày 13 tháng 7 năm 2020; Chị Trần Thị Ngọc B đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05-5-2021), đối với chị Trần Thị Ngọc B và anh Phạm Văn M vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi gửi:

- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND tt NGiao.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÀO TRỌNG HẢI

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa